

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2022

“V/v : “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trường D, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn Bắc S, xã Quảng S, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Anh Nguyễn Trường Duy có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*- Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn Bắc S, xã Quảng S, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. (Chị Trần Thị Tuyết có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022, bản tự khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì nguyên đơn, anh Nguyễn Trường D trình bày:

Anh và chị Trần Thị T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) ngày 22/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cãi vã, chồng đi làm ăn xa vợ ở nhà sông không chung thủy, ngoại tình với người đàn ông khác, sống buông thả, không làm tròn nghĩa vụ người vợ đối với gia đình. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng sống ly thân đã hơn hai năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/02/2016. Sau ly hôn anh Duy có nguyện vọng giao hai con chung cho chị Trần Thị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Và anh cấp dưỡng nuôi hai con mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ gì ai hay ai nợ gì của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) ngày 22/02/2013. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng sau khi chồng đi làm ăn xa thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không liên lạc với nhau, chồng không quan tâm đến vợ con, nên giờ chị chị Tuyết cũng không còn tình cảm với anh Duy. Hai vợ chồng sống ly thân hơn 2 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Duy khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị Tuyết cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trường D thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/02/2016. Sau ly hôn chị Tuyết có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Và yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi hai con mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Tuyết trình bày không có tài sản chung, không nợ gì ai hay ai nợ gì của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trường Duy và chị Trần Thị Tuyết làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với lý do công việc ở xa đi lại khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Trường D và bị đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/02/2013 tại UBND xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Duy đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con nên tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân hơn 2 năm, chị Tuyết đã chuyển về nhà ngoại sinh sống, mỗi người sống một nơi, không

ai quan tâm đến ai. Nay anh Duy làm đơn xin ly hôn thì chị Tuyết cũng đồng ý. Xét trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Duy và chị Tuyết là có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/02/2016. Sau ly hôn anh Duy có nguyện vọng giao hai con chung cho chị Trần Thị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và cấp dưỡng nuôi hai con mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Chị Tuyết cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của hai bên là phù hợp Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T trình bày không có tài sản chung, không nợ nần gia ai hay ai vay nợ gì của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trường D nộp tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, để sung vào công quỹ nhà nước

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trường Duy và chị Trần Thị Tuyết.

3. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thiện N, sinh ngày 23/5/2013 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/02/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường Duy cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi đứa mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Trường D được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Trường D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003369 ngày 27 tháng 5 năm 2022. Anh Nguyễn Trường Duy phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Trường D và chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi anh, chị thường trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Q Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**